

HỒ CHÍ MINH VỚI QUAN HỆ VIỆT - TRUNG TRONG NHỮNG NĂM 1950 -1969

NGUYỄN THỊ HƯƠNG*

TÓM TẮT

Ngày 18-01-1950, Trung Quốc đã chính thức công nhận ngoại giao với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và là nước đầu tiên đặt quan hệ ngoại giao với Việt Nam. Sự kiện này có ý nghĩa vô cùng quan trọng, chấm dứt thời kì “chiến đấu trong vòng vây” của dân tộc Việt Nam. Trong những năm 50, 60 của thế kỉ XX, với đường lối ngoại giao khôn khéo, tinh tế, mềm dẻo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng bước đưa quan hệ giữa hai nước Việt Nam – Trung Quốc lên một tầm cao mới. Việt Nam đã nhận được nhiều nguồn viện trợ của Trung Quốc trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, quân sự, khoa học kĩ thuật, giáo dục và chính trị.

Từ khóa: quan hệ Việt – Trung, ngoại giao, viện trợ, Trung Quốc.

ABSTRACT

Ho Chi Minh and the Vietnam–China relationship in the years 1950 - 1969

On 18th January 1950, China officially established diplomatic relations with the Democratic Republic of Vietnam and became the first country to do so. This was an extremely significant event, ending Vietnam’s period of “fighting in the siege”. In the 50s and 60s, with skilful, delicate and flexible diplomatic relation strategies, President Ho Chi Minh gradually brought the relations between the two countries to a new height, thanks to which, Vietnam received enormous aids from China in all fields including economy, military, science-technology, education and politics.

Keywords: Vietnam – China relations, diplomacy, aid, China.

1. Đặt vấn đề

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp và Mĩ (1950 – 1969), bên cạnh ý chí sức mạnh nội lực, Việt Nam còn nhận được sự hỗ trợ rất nhiều từ bạn bè quốc tế mà Trung Quốc là một trong những trường hợp tiêu biểu. Sự giúp đỡ về mọi mặt của Chính phủ và nhân dân Trung Quốc đối với nhân dân Việt Nam đã góp phần không nhỏ trong thắng lợi vẻ vang của dân tộc ta. Bài viết góp phần làm

sáng tỏ thêm về tài năng ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc kêu gọi sự ủng hộ của bạn bè quốc tế cho hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mĩ của dân tộc Việt Nam.

2. Vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong mối quan hệ Việt – Trung qua các thời kì

2.1. Thời kì 1950 – 1954

Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã đánh đổ nền thống trị của đế quốc Nhật

* NCS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

và thực dân Pháp ở Việt Nam, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập (ngày 02-9-1945). Nhưng lúc này, nước ta đang trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, phải chiến đấu trong sự cô độc, không nhận được sự hỗ trợ từ bên ngoài. Vì vậy, một trong những cố gắng của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những năm đầu sau khi giành chính quyền là nhằm phá vỡ thế bao vây của kẻ thù, gắn cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới và tranh thủ sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa (XHCN), các lực lượng tiến bộ trên thế giới cho cuộc kháng chiến chống Pháp.

Ngày 01-10-1949, cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân Trung Quốc giành thắng lợi, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời. Thắng lợi vĩ đại của cách mạng Trung Quốc đã làm nghiêng cán cân lực lượng quốc tế về phía các lực lượng hòa bình và tiến bộ.

Ngày 03-10-1949, Liên Xô công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Chính phủ Trung Quốc. Tiếp theo đó là hàng loạt các nước trong phe XHCN công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Từ đây, hành lang địa lí – chính trị của phe xã hội chủ nghĩa được mở rộng đến tận biên giới Việt – Trung.

Đối với cách mạng Việt Nam, sự thắng lợi của cách mạng Trung Quốc là một cơ hội lớn mở ra khả năng khai thông liên lạc với phe XHCN. Nhằm phá vỡ vòng vây của chủ nghĩa đế quốc đối với cách mạng Việt Nam, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã khẩn trương thiết lập mối quan hệ với Trung Quốc, Liên Xô và các nước khác trong phe XHCN.

Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta tranh thủ sự công nhận và giúp đỡ trực tiếp của các nước trong phe XHCN. Ngày 05-12-1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi điện tới Chủ tịch Mao Trạch Đông, chúc mừng sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Bức điện có đoạn: “Hai dân tộc Việt – Hoa có mối quan hệ anh em trải qua mấy nghìn năm lịch sử. Từ đây, mối quan hệ ấy sẽ ngày càng mật thiết để phát triển tự do và hạnh phúc của hai dân tộc ta, và bảo vệ dân chủ thế giới và hòa bình lâu dài” [8, tr.717].

Cùng với việc gửi điện chúc mừng, tháng 01-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ lên đường sang thăm Trung Quốc. Ngày 14-01-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra tuyên bố với các chính phủ và nhân dân thế giới. Người khẳng định tính hợp pháp và chính sách đối ngoại của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: “Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là chính phủ hợp pháp duy nhất của toàn thể nhân dân Việt Nam. Căn cứ trên quyền lợi chung, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với chính phủ nước nào tôn trọng quyền bình đẳng, chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của nước Việt Nam, để cùng nhau bảo vệ hòa bình và xây đắp dân chủ thế giới” [9, tr.7-8].

Ngày 15-01-1950, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố công nhận nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và tỏ ý sẵn sàng đặt quan hệ ngoại

giao ở cấp đại sứ.

Đáp lại thiện chí trên, ngày 18-01-1950, Chính phủ Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao cấp đại sứ với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Việc Trung Quốc đi đầu công nhận Việt Nam là một đòn nặng giáng vào quân Pháp xâm lược cùng bọn phản động trong nước, mở ra ki nguyên ngoại giao của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Để kỉ niệm lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước Việt – Trung, Chính phủ Việt Nam quyết định lấy ngày 18-01 làm ngày kỉ niệm thắng lợi của ngoại giao Việt Nam.

Sau khi được Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao, ngày 21-01-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi thăm bí mật nước Trung Quốc mới. Trong cuộc hội đàm với Thủ tướng Chu Ân Lai và các nhà lãnh đạo Đảng, Nhà nước Trung Quốc, Người đã thông báo tình hình cách mạng Việt Nam, đường lối chủ trương của Đảng và đề nghị Trung Quốc ủng hộ cuộc kháng chiến của ta. Trung Quốc hoàn toàn đồng tình với đường lối, chủ trương của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo và hứa sẽ tích cực ủng hộ về tinh thần và vật chất.

Như vậy, với thắng lợi ngoại giao đầu năm 1950, Việt Nam đã phá vỡ được thế bao vây cô lập của kẻ thù, mở rộng ngoại giao với các nước trên thế giới, chấm dứt thời kì “chiến đấu trong vòng vây”. Cuộc kháng chiến chống Pháp giờ đây không phải chỉ mình nhân dân Việt Nam, mà của các lực lượng tiến bộ yêu chuộng hòa bình trên thế giới.

Đánh giá thắng lợi đầu 1950, trong lời kêu gọi nhân dịp kỉ niệm Cách mạng

tháng Tám, ngày 19-8-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Mấy năm kháng chiến đã đưa lại cho nước ta một cuộc thắng lợi to nhất trong lịch sử Việt Nam, tức là hai nước trên thế giới – Liên Xô và Trung Quốc dân chủ.... Nghĩa là ta đã đứng hẳn về phe dân chủ và nhập vào khối 800 triệu nhân dân chống đế quốc. Chắc rằng thắng lợi chính trị ấy sẽ là cái đà cho những thắng lợi quân sự sau này” [9, tr.81].

Thắng lợi ngoại giao đầu năm 1950 đã tạo nên bầu không khí nô nức trong quân và dân Việt Nam trên toàn quốc.

Theo đề nghị của chính phủ Việt Nam, Trung Quốc đã đồng ý để ta thành lập sứ quán ở thủ đô. Tháng 4-1951, Đại sứ quán Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập ở Bắc Kinh, tiếp theo đó Việt Nam mở hai biện sứ ở Hoa Nam (Trung Quốc), tiếp tục đẩy mạnh quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, trong năm 1950, quân đội Việt Nam phối hợp với Quân giải phóng của nước bạn tiêu diệt các cứ điểm và lực lượng còn lại của Tưởng Giới Thạch ở khu vực biên giới hai nước.

Sau chuyến đi thăm Trung Quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những yêu cầu của Việt Nam đã được đáp ứng trong điều kiện Trung Quốc có thể, nhiều mặt hàng chiến lược về kinh tế, quân sự, đã kịp thời chuyển sang Việt Nam. Mặc dù giải phóng chưa được bao lâu, đất nước còn nhiều khó khăn, song Đảng, Chính phủ và nhân dân Trung Quốc vẫn dành cho cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam sự giúp đỡ kịp thời, hiệu quả: “Chỉ tính từ tháng 5 đến tháng 12-1950, ta đã

tiếp nhận từ Trung Quốc 1.020 tấn vũ khí đạn dược, 180 tấn quân trang, quân dụng, 2.634 tấn gạo, 20 tấn thuốc và dụng cụ quân y, 800 tấn hàng quân giới, 30 xe ô tô, 120 tấn xăng dầu và phụ tùng” [7, tr.542].

Bên cạnh đó, Trung Quốc còn đào tạo cán bộ, cử cố vấn, chuyên gia sang giúp Việt Nam, tháng 7/1950 “đoàn cố vấn quân sự chính thức được thành lập gồm 79 cán bộ, 250 trợ lý do Vi Quốc Thanh làm trưởng đoàn” [6, tr.253] sang giúp Việt Nam trong các hoạt động quân sự. Chủ tịch Mao Trạch Đông còn khẳng định: “tỉnh Quảng Tây sẽ là hậu phương trực tiếp của Việt Nam” [5, tr.14-15]. Từ 1950 – 1954, Trung Quốc đã cung cấp cho Việt Nam “116,000 súng các loại, 420 khẩu pháo, đạn dược đồng bộ, và khí tài công binh, thông tin” [6, tr.264].

Phát huy thắng lợi ngoại giao năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta chủ trương tăng cường hoạt động đối ngoại với Trung Quốc. Hoạt động theo hướng trên trong những năm 1950 – 1954 đã thu được những kết quả to lớn. Sự ủng hộ cả về tinh thần và vật chất của các nước anh em đã làm cho sức mạnh của lực lượng kháng chiến tăng lên đáng kể, góp phần quan trọng vào thắng lợi trên mặt trận quân sự. Đồng thời, thông qua các cơ quan thông tin đại chúng của nước bạn, vấn đề chiến tranh Việt Nam, lập trường chính nghĩa của nhân dân Việt Nam đã đến với nhân dân các nước trên thế giới.

Năm 1954, Hiệp định Genève được kí kết, miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, song đất nước vẫn còn chưa thống

nhất. Là người đứng đầu Đảng Lao động Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao đổi ý kiến với Đảng Cộng sản Liên Xô và Đảng Cộng sản Trung Quốc về đường lối đấu tranh thống nhất đất nước. Đảng Cộng sản Trung Quốc đã truyền đạt kinh nghiệm về công tác trong vùng địch tạm chiếm trước đây: “Trường kì mai phục, liên hệ với quần chúng, tích trữ lực lượng, đợi thời cơ” [6, tr.255]. Đảng Lao động Việt Nam tiếp thu kinh nghiệm của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra tuyên cử dân chủ, thực hiện thống nhất đất nước (1956), chủ trương này phù hợp với lợi ích của các tầng lớp nhân dân Việt Nam.

2.2. Thời kì 1955 – 1960

Theo Hiệp định Genève (1954), đất nước Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền, từ vĩ tuyến 17 trở ra Bắc được giải phóng, song cuộc sống của nhân dân phía Nam vĩ tuyến 17 vẫn còn trong hoàn cảnh “đầu sôi lửa bỏng”. Nhiệm vụ chung được đặt ra là: “thi hành đúng đắn hiệp định đình chiến, đấu tranh để giữ gìn và củng cố hòa bình, để thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong toàn quốc” [10, tr.339].

Phải thừa nhận rằng, mặc dù đã đạt được những thành công lớn ở Hội nghị Genève, nhưng nền ngoại giao Việt Nam lúc này còn rất non trẻ lại thiếu kinh nghiệm và không theo kịp với tình hình nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn tới. Về mặt quan hệ ngoại giao nhà nước, cho đến năm 1954, Việt Nam mới chỉ được các nước trong phe XHCN công nhận và đặt quan hệ ngoại giao chính thức. Vì vậy, việc xác lập những nguyên tắc và

chính sách đối ngoại mới là điều kiện tiên quyết phá vỡ thế cô lập, mở rộng quan hệ ngoại giao khu vực và quốc tế.

Ý thức được tầm quan trọng của vấn đề này, ngay sau khi Hiệp định Genève (21-7-1954) được kí kết, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Tuyên bố nêu rõ quan điểm và đường lối đối ngoại của Nhà nước ta một cách cởi mở: “Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng đặt quan hệ thân thiện, hợp tác với bất cứ nước nào trên nguyên tắc tôn trọng sự hoàn chỉnh về mặt chủ quyền và lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, bình đẳng, cùng có lợi và chung sống hòa bình” [11, tr.5]. Tuy nhiên, theo Người, ta phải dựa chủ yếu vào phe XHCN, bởi đây chính là lực lượng mà chúng ta có thể tin cậy, trông chờ sự giúp đỡ cả về vật chất lẫn tinh thần.

Bước đầu tiên trong việc triển khai chiến lược mở rộng quan hệ ngoại giao có tính định hướng, có trọng tâm là đi thăm nước bạn. Năm 1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh lần đầu tiên chính thức thăm Trung Quốc. Trong cuộc đi thăm này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bày tỏ lòng mong muốn tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam với Trung Quốc và luôn luôn đề cao quan hệ đoàn kết Việt – Trung nói riêng và các nước XHCN do Liên Xô và Trung Quốc đứng đầu nói chung. Qua các cuộc tiếp xúc, trao đổi ý kiến trong dịp đoàn đại biểu Việt Nam sang thăm Trung Quốc, lãnh đạo nước bạn đều ủng hộ đường lối xây dựng củng cố miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà của Việt Nam.

Chuyến công tác đầu tiên của

nguyên thủ quốc gia Việt Nam được đánh giá là khá thành công trên nhiều phương diện, như báo cáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước quốc dân đồng bào về mục đích cuộc đi thăm là: “Đề củng cố thêm tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân ta với nhân dân Trung Quốc” [11, tr.28].

Chúng ta không phủ nhận nỗ lực phấn đấu quên mình của quân và dân ta trên khắp các lĩnh vực kinh tế, quốc phòng. Chúng ta cũng luôn xác định tinh thần tự lực cánh sinh là chính, song phải thừa nhận rằng chủ trương “dùng ngoại giao làm đòn đột phá” để tìm kiếm nguồn “ngoại lực” cho công cuộc tái thiết đất nước, là bước đi đúng đắn và sáng suốt của Đảng. Trên cơ sở quan hệ hữu nghị được thiết lập từ sau chuyến đi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quan hệ Việt – Trung ngày càng có bước phát triển mới.

Sự bất đồng giữa Liên Xô – Trung Quốc được bộc lộ công khai từ năm 1957, đặt ra cho ngoại giao Việt Nam nhiệm vụ là phải đóng góp vào việc giữ gìn đoàn kết trong phe XHCN và giữ cân bằng quan hệ giữa Việt Nam với các nước lớn XHCN, vì lợi ích của Việt Nam, của phe XHCN và lợi ích của cách mạng thế giới. Nhằm “thắt chặt hơn nữa tình hữu nghị” giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân các nước XHCN, trước khi đi thăm các nước Đông Âu (từ ngày 6/7-30/8/1957), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi thăm không chính thức và hội đàm với lãnh đạo cao nhất của hai nước Trung Quốc và Liên Xô, nhằm góp phần hòa dịu mâu thuẫn Xô – Trung.

Năm 1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại sang thăm không chính thức Trung

Quốc với mục đích tích cực đóng góp cho tình hữu nghị Việt – Trung và giữ vững đoàn kết trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Thắng lợi thu được từ hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh chẳng những làm tăng uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, mà còn làm cho quan hệ Việt – Trung trở lại gần bó hơn, phá tan những nghi ngờ, hiểu lầm đáng tiếc trước đây.

Chủ trương thực hiện chính sách ngoại giao có trọng tâm, mà tâm điểm là phải thiết lập được mối quan hệ bền chặt với hai trụ cột của hệ thống XHCN là Liên Xô và Trung Quốc nhằm tranh thủ sự ủng hộ của hai nước này cho Việt Nam, ngoài các chuyến đi thăm và làm việc chính thức theo nghi thức quốc tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn chủ động bố trí nhiều cuộc hội đàm với lãnh đạo, nhiều cuộc gặp gỡ với nhân dân hai nước Xô – Trung, tạo không khí gần gũi, thân mật. Riêng với nước láng giềng Trung Quốc, không kể chuyến viếng thăm chính thức, từ năm 1950 – 1960, Người đã có hàng chục cuộc hội đàm, trao đổi với các nhà lãnh đạo Trung Quốc, khi ở Bắc Kinh, khi thì ở Hà Nội. Trong các cuộc hội đàm trao đổi thường xuyên giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh với các nhà lãnh đạo Trung Quốc, các vấn đề liên quan tới cách mạng Việt Nam, về quan hệ song phương... và các vấn đề quốc tế đã phần nào giải quyết khúc mắc trong quan hệ tay ba (Việt – Xô – Trung) khi hai nước này đang có bất đồng, tạo nên sự tin tưởng vào lập trường nhất quán của Việt Nam trong quan hệ với mỗi nước.

Nhờ kết quả tốt đẹp về mặt ngoại giao xuất phát từ hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong quan hệ với Trung Quốc, Việt Nam đã tạo được vị thế mới của mình trong quan hệ quốc tế, qua đó tăng cường sức mạnh về mọi mặt.

Từ 1955 – 1960, nhiều nghị định giữa hai nước Việt – Trung được kí kết: “Tháng 01-1956, kí nghị định thư về việc Chính phủ Trung Quốc giúp Việt Nam xây dựng hai xưởng quân giới. Tháng 8-1956, hai đoàn cán bộ quân giới Việt Nam đi đào tạo tại Liên Xô và Trung Quốc. Tháng 12-1959, kí nghị định thư về việc Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa giúp Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa xây dựng, mở rộng hai xí nghiệp quân giới...” [2, tr.16]. Ngoài ra, Trung Quốc còn giúp Việt Nam đào tạo hàng ngàn cán bộ khoa học kĩ thuật, cán bộ quản lí ở tất cả các ngành kinh tế chủ yếu, giải quyết kịp thời vấn đề nguồn nhân lực phục vụ công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc.

2.3. Thời kì 1961 - 1964

Trong những năm 1961 – 1964, Việt Nam phải đối phó với cuộc “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ và Mỹ đã sử dụng chiến trường Việt Nam để thí nghiệm các loại vũ khí hiện đại nhất của mình. Để chống lại những âm mưu thâm độc của đế quốc Mỹ, bên cạnh sự đồng lòng của toàn dân, cần phải có sự ủng hộ của các nước XHCN, các lực lượng tiến bộ trên thế giới. Trong đó, sự ủng hộ của Trung Quốc có ý nghĩa quan trọng, là nhân tố tác động đến tương lai cuộc chiến tranh Việt Nam.

Trong điều kiện vừa tiến hành xây

dựng CNXH ở miền Bắc, vừa đấu tranh giải phóng miền Nam, hơn lúc nào hết, đường lối đoàn kết tập hợp lực lượng, tranh thủ sự đồng tình giúp đỡ của cộng đồng quốc tế càng phải chú trọng phát huy, và phải xem đó là một trong những nhân tố quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cách mạng nước ta. “Tăng cường và củng cố tình đoàn kết hữu nghị, tranh thủ sự giúp đỡ và hợp tác chặt chẽ với Liên Xô, Trung Quốc tiếp tục được xác định là vấn đề trọng tâm then chốt trong chính sách ngoại giao của Đảng và Nhà nước” [12, tr.90].

Tuy nhiên, việc thực hiện đường lối đó diễn ra trong bối cảnh quốc tế không mấy thuận lợi, trước tiên là sự bất đồng ngày càng gay gắt giữa Liên Xô – Trung Quốc và sự bẽ phái trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Mâu thuẫn trong phong trào cộng sản quốc tế ngay lập tức được Mĩ lợi dụng triệt để nhằm chống phá phong trào cách mạng Việt Nam, leo thang, mở rộng chiến tranh xâm lược trên phạm vi cả nước.

Thời kì 1961 – 1964, trong quan hệ Việt Nam - Trung Quốc có nhiều vấn đề phức tạp, chủ yếu bị ảnh hưởng bởi những nhân tố xuất phát từ mâu thuẫn Trung – Xô; những này sinh đáng lo ngại trong quan hệ Trung – Mĩ và sự gia tăng ảnh hưởng trong quan hệ quốc tế của Trung Quốc.

Quan điểm của Đảng ta trong quan hệ ngoại giao giữa hai nước Việt – Trung là “xây dựng tinh thần đoàn kết, trước sau như một, vun đắp thành mối quan hệ hữu nghị đặc biệt” [12, tr.98]. Đối với vấn đề mâu thuẫn Trung – Xô, nguyên

tắc của Đảng ta là cố gắng “dàn hòa”, đề nghị hai Đảng giải quyết bất đồng thông qua đàm phán trực tiếp, không công kích nhau trên các phương tiện thông tin đại chúng. Những lá thư Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Đảng Cộng sản Liên Xô, đồng thời cũng gửi cho Đảng Cộng sản Trung Quốc, với mong muốn hai Đảng xóa bỏ bất đồng, cùng nhau tiến tới bình thường hóa quan hệ. Người nói với lãnh đạo Trung Quốc rằng “Liên Xô là anh cả, Trung Quốc là chị cả, anh chị cãi nhau chúng tôi làm thế nào?” [6, tr.266].

Tháng 12-1963, tại Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người đã phát biểu: “Mục đích của ta là vì đoàn kết. Vì đoàn kết mà phải đấu tranh. Đấu tranh để đi đến đoàn kết chứ không nói xấu ai... Phải làm sao trong Đảng và trong nhân dân giữ được lòng yêu mến và biết ơn các nước bạn anh em... đó là “thiên kinh địa nghĩa” đồng thời không nên coi sự bất đồng là chuyện lạ” [17, tr.490].

Năm 1963, Trung Quốc đưa ra “Cương lĩnh 25 điểm”, đề nghị Việt Nam tham gia chủ trì cùng triệu tập Hội nghị 11 Đảng châu Á. Đây là vấn đề nhạy cảm nên Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từ chối, làm cho Trung Quốc không hài lòng. Thái độ của Chủ tịch Hồ Chí Minh trước yêu cầu của Trung Quốc là rất mềm mỏng, nhưng kiên định. Người giải thích rõ lập trường có tính nguyên tắc của Đảng Lao động Việt Nam là tiếp tục giương cao ngọn cờ đoàn kết quốc tế, trong đó có đoàn kết với Trung Quốc. Người tuyên bố “luôn kề vai sát cánh với

nhân dân Trung Quốc anh em trong đấu tranh chống đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ” [13, tr.100].

Chủ tịch Hồ Chí Minh hoàn toàn ủng hộ ý kiến của Trung Quốc về tổ chức Hội nghị thường niên giữa 4 đảng: Trung Quốc – Việt Nam – Lào – Indonesia, sau đó là 3 đảng (không có Indonesia), dưới các hình thức công khai, bí mật, ở nhiều cấp độ. Thông qua các hội nghị này, mối quan hệ Việt – Trung – Lào càng gắn bó chặt chẽ hơn, nhiều vấn đề khúc mắc được giải quyết kịp thời trên tinh thần thông cảm và hiểu biết lẫn nhau. Có thể xem đây là một thành công của Người trong việc kết hợp giữa hình thức ngoại giao của các Đảng cầm quyền với hoạt động ngoại giao nhà nước và ngoại giao nhân dân.

Trước tình hình Mĩ leo thang xâm lược Việt Nam, Trung Quốc hết sức ủng hộ Việt Nam trên cả hai phương diện: viện trợ vật chất và ủng hộ tinh thần. Tháng 6-1964, trong cuộc tiếp xúc giữa Chủ tịch Mao Trạch Đông với Tổng tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam Văn Tiến Dũng, Mao Trạch Đông đã tuyên bố “...Công việc của các bạn cũng là công việc của chúng tôi”. Ngày 06-8-1964, Chính phủ Trung Quốc công khai đưa ra tuyên bố: “Đế quốc Mĩ tiến công nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tức là tiến công nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Do vậy, Trung Quốc phải có trách nhiệm cùng Việt Nam đánh Mĩ” [12, tr.59].

Khi đế quốc Mĩ leo thang bắn phá miền Bắc (05-8-1964), Thủ tướng Chu Ân Lai đã chuyển thông điệp cho

Johnson, trong đó có đoạn “Nếu chiến tranh nổ ra, nó sẽ không có biên giới” [18, tr.21].

Trong những năm 1961 - 1964, Trung Quốc đã kí với Việt Nam nhiều hiệp định kinh tế - thương mại, trong đó có Hiệp định kí ngày 31-01-1961, “đồng ý cho Việt Nam vay dài hạn số tiền là 141.750.000 đô-la” [12, tr.103]. Viện trợ quân sự của Trung Quốc cho Việt Nam là “22.630 tấn, trị giá 256.639.000 nhân dân tệ” [14, tr.41].

Đây là thành công lớn của mặt trận ngoại giao và cũng là những bước đi chắc chắn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bởi trong quan hệ với Trung Quốc, Người thường sử dụng phương pháp ngoại giao giữa hai Đảng, trên cơ sở kết hợp với hoạt động ngoại giao nhà nước và vận động nhân dân nước bạn ủng hộ cách mạng Việt Nam. Phương thức đó phần nào thể hiện tình cảm gần gũi, thân mật, lại dễ làm mềm các vấn đề còn chưa thống nhất giữa hai quốc gia, tất nhiên các nguyên tắc về mục tiêu, đường lối đối ngoại vẫn luôn được giữ vững. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phương châm chủ động về đường lối, tinh tế, hợp lí trong hoạt động chính là tư tưởng nổi bật trong quan hệ giữa Việt Nam với Trung Quốc trong thời kì lịch sử này.

2.4. Thời kì 1965 – 1969

Vào những năm 1965 - 1968, tình hình trong nước và trên thế giới có nhiều biến động phức tạp. Sau khi chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” thất bại, Mĩ chuyển sang một hình thức chiến tranh mới đó là “Chiến tranh cục bộ”. Bên cạnh

cung cấp đô-la vũ khí cho chính quyền Sài Gòn, để quốc Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ và quân các nước chư hầu vào Việt Nam với quyết tâm phải giành thắng lợi trong chiến lược chiến tranh này. Hành động đó đã làm cho cuộc chiến tranh trở nên khốc liệt, làm cho tình hình ở Việt Nam thêm căng thẳng và hơn lúc nào hết chúng ta rất cần sự ủng hộ của các nước XHCN.

Trong bối cảnh đế quốc Mỹ ngày càng leo thang xâm lược nước ta, trong hai ngày 12 và 13-3-1965, dưới sự chủ trì của Hồ Chủ tịch, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã tổ chức Hội nghị và có những đánh giá xác đáng về tình hình trong nước cũng như quốc tế. Đặc biệt, Hội nghị rất chú trọng đến mặt trận ngoại giao và đi đến quyết định: “hoạt động quốc tế phải được đẩy mạnh phục vụ cho chiến tranh” [3, tr.21].

Tiếp đó, ngày 25-3-1965, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 11 (khóa III) được triệu tập nhằm thảo luận về phương hướng chiến lược của cách mạng và nhất trí với chủ trương “đẩy mạnh công tác ngoại giao cho phù hợp với tình hình mới”, và “tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ ngày càng mạnh mẽ và đầy đủ hơn của phe ta... đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của ta ở miền Nam” [16, tr.226].

Trong hoàn cảnh Xô – Trung mâu thuẫn nhau, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cố gắng làm hết sức mình để ngăn ngừa và hạn chế không để cho tình trạng Xô – Trung ngày càng thêm xấu. Trong bối cảnh còn tồn tại nhiều điều chưa nhất trí giữa ta với hai nước đồng minh, chiến

lược chắc chắn sẽ có ảnh hưởng đến sự chi viện của hai nước Xô – Trung và tác động đến tinh thần kháng chiến của nhân dân ta. Người đã căn dặn ngành ngoại giao Việt Nam: “Khi các đại diện của hai nước nói trên tiếp xúc với đại diện ngoại giao Việt Nam mà có nói điều gì không có lợi cho đoàn kết thì cần giữ thái độ bình tĩnh, không tỏ thái độ đứng về bên này chống bên kia” [1, tr.211].

Việt Nam không yêu cầu Liên Xô cử bộ đội phòng không và sĩ quan điều khiển tên lửa giúp Việt Nam cũng như đưa quân tình nguyện và đặt cố vấn Liên Xô bên cạnh Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Việt Nam không nhận bộ đội phòng không và công binh làm đường của Trung Quốc sang giúp mấy tỉnh biên giới của miền Bắc Việt Nam giáp với Trung Quốc. Về cuộc “cách mạng văn hóa của Trung Quốc”, Việt Nam coi đó là công việc nội bộ của Trung Quốc.

Trong quan hệ với Trung Quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm hết sức mình để duy trì mối quan hệ “vừa là đồng chí, vừa là anh em”. Ngoài các cuộc viếng thăm chính thức bằng trao đổi thư, điện giữa Người với lãnh đạo của Đảng và Nhà nước Trung Quốc, từ 1965 đến 1969, mỗi năm một lần, Bác còn trực tiếp sang Trung Quốc với danh nghĩa là “đi nghỉ” để đàm đạo với các nhà lãnh đạo Trung Quốc. Đây là hình thức ngoại giao đặc biệt, lấy tình bạn, tình đồng chí thân thiết và mối quan hệ cá nhân để tỏ lòng tin cậy của nhân dân Việt Nam đối với Trung Quốc, nhất là thời kỳ mâu thuẫn Xô - Trung ngày càng gay gắt. Người còn viết nhiều bài báo ca ngợi Trung Quốc

đăng trên tờ Nhân dân Nhật báo của Bắc Kinh. Dù thời gian rất eo hẹp nhưng Người vẫn thu xếp để tiếp tất cả các phái đoàn Trung Quốc sang Việt Nam. Thái độ trân trọng và quý mến đó của Người chính là cơ sở niềm tin và sự cảm thông giữa Việt Nam và Trung Quốc. Vì vậy, dù có nhiều thăng trầm trong quan hệ giữa hai nước, nhưng về cơ bản trong suốt cuộc chiến tranh chống Mỹ, Đảng Cộng sản, Chính phủ và nhân dân Trung Quốc đã hoàn toàn ủng hộ cách mạng Việt Nam.

Trên phương diện ngoại giao chính thức giữa Việt Nam – Trung Quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất cẩn trọng, tinh tế và khéo léo. Xung quanh vấn đề “đánh và đàm” của ta, quan điểm lúc đầu của Trung Quốc là “đánh” chứ không “đàm” (trái với Liên Xô). Để tỏ ý tôn trọng ý kiến của Trung Quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cử đoàn đại biểu sang Trung Quốc (10-1968), giải thích với Ban lãnh đạo Đảng và Nhà nước Trung Quốc để nhất trí về quyết tâm chiến lược và sách lược “đánh và đàm” của ta. Quan điểm của ta luôn tôn trọng, xem xét ý kiến của các đồng minh, nhưng về hành động, tùy theo tình hình thực tế, ta vận dụng làm sao cho phù hợp và có hiệu quả nhất. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát biểu trong Hội nghị Trung ương lần thứ 13 (khóa III) rất rõ ràng về vấn đề này: “Mỗi Đảng đều có vị trí riêng, có chủ trương riêng, ta phải làm mọi cách thực hiện nhất trí trong phe ta, nhưng ta phải giữ độc lập...” [4, tr.14].

Trong giai đoạn này, Trung Quốc luôn đứng đầu trong các nước viện trợ

cho Việt Nam. “Giai đoạn 1965 – 1969, Trung Quốc viện trợ quân sự 170.798 tấn” [15, tr.15]. Nguồn viện trợ này có ý nghĩa rất lớn khi kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra quyết liệt, góp phần đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam.

3. Kết luận

Tình hình thế giới trong thập niên 50, 60 của thế kỉ XX có nhiều biến đổi phức tạp, đòi hỏi phải có sự khôn khéo, tinh tế để giải quyết các vấn đề đặt ra. Bằng nhãn quan chính trị nhạy bén, tư duy phân tích thời thế khoa học, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện vai trò của mình trong hoạt động đối ngoại với các nước trên thế giới nói chung và Trung Quốc nói riêng. Bằng nỗ lực bản thân, Người đã thiết lập được quan hệ ngoại giao với Trung Quốc vào đầu năm 1950, chấm dứt thời kì “chiến đấu trong vòng vây” của nước ta.

Sau khi được Trung Quốc đặt quan hệ ngoại giao, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng bước vun đắp cho tình đoàn kết Việt – Trung. Trong suốt thời gian từ 1950 – 1969, mặc dù quan hệ giữa hai nước Việt Nam – Trung Quốc có những bước thăng trầm, nhưng với đường lối ngoại giao khéo léo, mềm dẻo, đề cao tinh thần yêu chuộng hòa bình thế giới, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng bước tháo gỡ những khúc mắc, hiểu nhầm, tạo điều kiện để Trung Quốc có thể hiểu rõ hơn về tình hình cách mạng Việt Nam, về đường lối chủ trương của Đảng ta trong những năm qua. Chính vì thế quan hệ Việt – Trung ngày càng được vun đắp và bền vững.

Với phương châm ngoại giao linh

hoạt, biết tạo và chớp thời cơ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa cách mạng Việt Nam gắn liền với cách mạng thế giới. Việt Nam đã nhận được nhiều nguồn viện trợ từ Trung Quốc trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, ủng hộ về chính trị, tạo động lực cho Việt Nam đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đình Bin (2005), *Ngoại giao Việt Nam 1945 – 2000*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Bộ Quốc phòng (1997), *Biên niên sự kiện lịch sử quân giới Việt Nam (1954 – 1975)*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
3. Bộ Chính trị, *Biên bản họp Bộ Chính trị (12-1965 và 1-1966)*, ĐVBC.173, Cục lưu trữ Trung ương Đảng.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004), *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 29, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.14.
5. Võ Nguyên Giáp (1999), *Đường tới Điện Biên Phủ*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
6. Lý Kiên (1992), *Sự thật về sáu cuộc chiến tranh chống xâm lược của nước Trung Hoa mới*, Nxb Phát thanh và truyền hình Trung Quốc.
7. *Lịch sử cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp* (1995), Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
8. Hồ Chí Minh (2009), *Toàn tập*, tập 5, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. Hồ Chí Minh (2009), *Toàn tập*, tập 6, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
10. Hồ Chí Minh (2009), *Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
11. Hồ Chí Minh (2009), *Toàn tập*, tập 8, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. Trần Minh Trường (2005), *Hoạt động ngoại giao của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ năm 1954 đến 1969*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
13. Đặng Văn Thái (2004), *Hoạt động đối ngoại của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong kháng chiến chống thực dân Pháp*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
14. *Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, (8), 2008, tr.41.
15. Trung tâm lưu trữ Bộ Quốc phòng, *Tài liệu lưu trữ, hồ sơ số 795, tờ số 15*.
16. Viện Mác – Lênin, Viện Lịch sử Quân sự (1985), *Một số văn kiện của Đảng về chống Mỹ*, cứu nước, tập 1, Nxb Sự thật, Hà Nội.
17. Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh (1996), *Hồ Chí Minh Biên niên tiểu sử*, tập 8, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
18. John Prdos (2005), “Quan hệ Việt - Trung - Xô sau ngày Mỹ đổ quân vào Việt Nam và ném bom hủy diệt miền Bắc”, *Tạp chí Xưa và nay*, (241).

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 23-12-2013; ngày phản biện đánh giá: 20-01-2014;
ngày chấp nhận đăng: 16-7-2014)